



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày...tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã, như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
2. Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
3. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;
5. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

6. Nghị quyết số/2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

Việc xây dựng nên quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp không còn nhiều ý nghĩa về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Vì vậy, tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp, trong đó có các ĐVHC cấp xã, có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp tổ chức vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Từ thực tiễn tổ chức ĐVHC các cấp thời gian qua và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã các giai đoạn 2019 - 2021 và 2023 - 2025, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 trong đó đã yêu cầu “*Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số ĐVHC cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả*”.

Từ các căn cứ và sự cần thiết nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW và Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới của đất nước, của dân tộc, phù hợp với xu thế

chung của thể giới nói chung và của tỉnh Sóc Trăng nói riêng thì việc xây dựng “Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã” là cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

1. Tỉnh Sóc Trăng

1.1. Diện tích tự nhiên (km²)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, tỉnh Sóc Trăng có tổng số diện tích tự nhiên là 3.298,20 km².

1.2. Quy mô dân số (người)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, tỉnh Sóc Trăng có quy mô dân số là 1.703.286 người.

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, thị xã, thành phố):

Tỉnh Sóc Trăng có tổng số đơn vị hành chính cấp huyện là 11 trong đó có 01 thành phố (thành phố Sóc Trăng), 02 thị xã (Vĩnh Châu và Ngã Năm) và 08 huyện (Châu Thành, Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Trần Đề).

1.4 Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn):

Tỉnh Sóc Trăng có tổng số đơn vị hành chính cấp xã là 108 xã, phường, thị trấn, trong đó có 80 xã, 16 phường và 12 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp:

Tổng số: 108, trong đó: 80 xã, 16 phường và 12 thị trấn.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp:

Tổng số: 04 ĐVHC, trong đó:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp

Tổng số: 03 ĐVHC, trong đó: 03 xã (xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú và xã Vĩnh Hải và xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu).

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù

a) Số lượng

Tỉnh Sóc Trăng có xã Phong Năm, huyện Kế Sách không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù là có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông liên kết với các xã, thị trấn liền kề.

b) Giải trình yếu tố đặc thù

Xã Phong Năm, huyện Kế Sách là xã đảo, có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông liên kết với các xã, thị trấn liền kề, do phương tiện đi lại chỉ là phà, ghe; không thuộc đối tượng bắt buộc sắp xếp theo quy định tại khoản 3.1 mục 3 của Kết luận số 137-KL/IW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Điều 3 Nghị quyết

số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 “*Không thực hiện sắp xếp đối với đơn vị hành chính có vị trí biệt lập*”.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3 và Phường 4, thành phố Sóc Trăng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Phú Lợi** có diện tích tự nhiên là **26,79 km²** (đạt 487,09% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **95.516 người** (đạt tỷ lệ 212,26% so với tiêu chuẩn).

- Phường Phú Lợi giáp Phường Sóc Trăng, các xã Tân Thạnh, xã Tài Văn phường Mỹ Xuyên và xã Mỹ Hương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Phú Lợi** tại UBND thành phố Sóc Trăng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường 1, Phường 2, Phường 3 và Phường 4 thành 01 phường mới có tên gọi là **Phường Phú Lợi**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thành phố Sóc Trăng hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **26,79 km²**, quy mô dân số là **95.516 người**: có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2. Thành lập phường trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: Phường 5, Phường 6, Phường 7 và Phường 8, thành phố Sóc Trăng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Sóc Trăng** có diện tích tự nhiên là **41,67 km²** (đạt 757,64% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **61.253 người** (đạt tỷ lệ 136,12% so với tiêu chuẩn).

- Phường Sóc Trăng giáp các xã Trường Khánh, xã Tân Thạnh, Phường Phú Lợi, xã An Ninh và xã Thuận Hòa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Sóc Trăng** tại **UBND Phường 6**, thành phố Sóc Trăng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường 5, Phường 6, Phường 7 và Phường 8 thành 01 phường mới có tên gọi là **Phường Sóc Trăng**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND Phường 6 hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **41,67 km²**, quy mô dân số là **61.253 người**: có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính,

tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

3. Thành lập phường trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Phường 10, thuộc thành phố Sóc Trăng; thị trấn Mỹ Xuyên và xã Đại Tâm, thuộc huyện Mỹ Xuyên.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Mỹ Xuyên** có diện tích tự nhiên là **48,34 km²** (đạt 878,91% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **51.769 người** (đạt tỷ lệ 115,04% so với tiêu chuẩn).

- **Phường Mỹ Xuyên** giáp phường Phú Lợi, xã Tài Văn, xã Thạnh Thới An, xã Ngọc Tố, xã Nhu Gia và xã Mỹ Hương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Mỹ Xuyên** tại **UBND thị trấn Mỹ Xuyên**, huyện Mỹ Xuyên hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường 10, thuộc thành phố Sóc Trăng, thị trấn Mỹ Xuyên và xã Đại Tâm, thuộc huyện Mỹ Xuyên thành 01 phường mới có tên gọi là **Phường Mỹ Xuyên**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thị trấn Mỹ Xuyên**, huyện Mỹ Xuyên hiện nay, có diện tích tự nhiên là **48,34 km²**, quy mô dân số là **51.769 người**: có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

4. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Hòa Tú 1 và xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Đơn vị hành chính **xã Hòa Tú** có diện tích tự nhiên là **67,15 km²** (đạt **223,83%** so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **24.499 người** (đạt **153,12%** so với tiêu chuẩn).

- **Xã Hòa Tú** giáp xã Ngọc Tố, phường Khánh Hòa, phường Vĩnh Phước, tỉnh Bạc Liêu hiện nay và xã Nhu Gia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Hòa Tú** tại **UBND huyện Mỹ Xuyên** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Sáp nhập xã Hòa Tú 1 và xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên để thành lập một đơn vị hành chính mới mang tên **xã Hòa Tú**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND huyện Mỹ Xuyên** hiện nay, có diện tích tự nhiên **67,15 km²**, dân số **24.499 người**: xã Hòa Tú 1 và xã Hòa Tú 2 có chung nguồn gốc lịch sử hình thành, được tách ra từ xã cũ là xã Hòa Tú, có địa giới hành chính liên kề, tương đồng về văn hóa – xã hội, việc sắp xếp nhằm tinh gọn bộ máy hành chính, mở

rộng không gian phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm ngân sách và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

5. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Thanh Quới và xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Gia Hòa** có diện tích tự nhiên là **77,06 km²** (đạt 256,87% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **40.135 người** (đạt tỷ lệ 250,84% so với tiêu chuẩn).

- Xã Gia Hòa giáp các xã Nhu Gia, tỉnh Bạc Liêu hiện nay, xã Phú Lộc và xã Lâm Tân.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Gia Hòa** tại **UBND xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Thanh Quới và xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Gia Hòa**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **77,06 km²**, quy mô dân số là **40.135 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

6. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Thanh Phú và xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Nhu Gia** có diện tích tự nhiên là **75,59 km²** (đạt 251,97% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **38.390 người** (đạt tỷ lệ 239,94% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Nhu Gia** giáp các phường Mỹ Xuyên, xã Ngọc Tổ, xã Hòa Tú, tỉnh Bạc Liêu hiện nay, xã Gia Hòa, xã Lâm Tân, xã Mỹ Tú và xã Mỹ Hương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã **Nhu Gia** tại **UBND xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Thanh Phú và xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Nhu Gia**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **75,59 km²**, quy mô dân số là **38.390 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

7. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Tham Đôn, xã Ngọc Tổ và xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Ngọc Tố** có diện tích tự nhiên là **112,53 km²** (đạt 375,10% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **47.207 người** (đạt tỷ lệ 295,04% so với tiêu chuẩn).

- Xã Ngọc Tố giáp các xã Thanh Thới An, phường Khánh Hòa, xã Hòa Tú, xã Nhu Gia và phường Mỹ Xuyên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã **Ngọc Tố** tại **UBND xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Tham Đôn, xã Ngọc Tố và xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Ngọc Tố**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **112,53 km²**, quy mô dân số là **47.207 người**: xã Ngọc Tố và xã Ngọc Đông có chung lịch sử hình thành, được tách ra từ xã cũ là xã Ngọc Tố, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

8. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Hậu Thạnh, xã Trường Khánh và xã Phú Hữu, huyện Long Phú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Trường Khánh** có diện tích tự nhiên là **58,33 km²** (đạt 194,44% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **34.621 người** (đạt tỷ lệ 216,38% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Trường Khánh** giáp các xã Đại Ngãi, xã Tân Thạnh, phường Sóc Trăng, xã Thuận Hòa, xã Phú Tâm và xã Nhơn Mỹ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã **Trường Khánh** tại **UBND xã Trường Khánh, huyện Long Phú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Hậu Thạnh, xã Trường Khánh và xã Phú Hữu, huyện Long Phú thành 01 xã mới có tên gọi là xã **Trường Khánh**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Trường Khánh, huyện Long Phú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **58,33 km²**, quy mô dân số là **34.621 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

9. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Đại Ngãi và xã Long Đức, huyện Long Phú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Đại Ngãi** có diện tích tự nhiên là **37,67 km²** (đạt 125,56% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **24.532 người** (đạt tỷ lệ 153,33% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Đại Ngãi** giáp các xã An Thạnh Đông, xã Long Phú, xã Tân Thạnh, xã Trường Khánh và xã Nhơn Mỹ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Đại Ngãi** tại **UBND thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Đại Ngãi và xã Long Đức, huyện Long Phú thành 01 xã mới có tên gọi là xã **Đại Ngãi**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **37,67 km²**, quy mô dân số là **24.532 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

10. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Tân Hưng, xã Châu Khánh và xã Tân Thạnh, huyện Long Phú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Tân Thạnh** có diện tích tự nhiên là **70,80 km²** (đạt 236,02% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **35.806 người** (đạt tỷ lệ 223,79% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Tân Thạnh** giáp các xã Đại Ngãi, xã Long Phú, xã Tài Văn, phường Phú Lợi, phường Sóc Trăng và xã Trường Khánh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Tân Thạnh** tại **UBND xã Tân Thạnh, huyện Long Phú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Tân Hưng, xã Châu Khánh và xã Tân Thạnh, huyện Long Phú thành 01 xã mới có tên gọi là xã **Tân Thạnh**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND Tân Thạnh, huyện Long Phú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **70,80 km²**, quy mô dân số là **35.806 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

11. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Long Phú và xã Long Phú, huyện Long Phú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Long Phú** có diện tích tự nhiên là **76,77 km²** (đạt 127,96% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **39.763 người** (đạt tỷ lệ 248,52% so với tiêu chuẩn).

- Xã Long Phú giáp các xã Cù Lao Dung, xã Trần Đề, xã Liêu Tú, xã Tài Văn, xã Tân Thạnh và xã Đại Ngãi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Long Phú** tại **UBND huyện Long Phú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Long Phú và xã Long Phú, huyện Long Phú thành 01 xã mới có tên gọi là xã **Long Phú**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND huyện Long Phú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **76,77 km²**, quy mô dân số là **39.763 người**: Thị trấn Long Phú và xã Long Phú có chung lịch sử hình thành, được tách ra từ xã cũ là xã Long Phú, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

12. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã An Mỹ, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách và xã Song Phụng, huyện Long Phú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Nhơn Mỹ** có diện tích tự nhiên là **79,73 km²** (đạt 265,77% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **42.213 người** (đạt tỷ lệ 263,83% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Nhơn Mỹ** giáp sông Hậu dọc xã An Thạnh Đông, xã Đại Ngãi, xã Trường Khánh, xã Phú Tâm, xã Kế Sách và xã Thới An Hội.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Nhơn Mỹ** tại **UBND xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã An Mỹ, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách và xã Song Phụng, huyện Long Phú thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Nhơn Mỹ**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **79,73 km²**, quy mô dân số là **42.213 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

13. Giữ nguyên hiện trạng xã Phong Năm, huyện Kế Sách.

a) Kết quả

- ĐVHC **xã Phong Năm** có diện tích tự nhiên là **17,30 km²** (đạt 57,68% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **6.416 người** (đạt tỷ lệ 40,10% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Phong Năm** giáp tỉnh Vĩnh Long hiện nay, tỉnh Trà Vinh hiện nay, xã Thới An Hội, xã An Lạc Thôn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Phong Năm** tại **UBND xã Phong Năm, huyện Kế Sách** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc giữ nguyên hiện trạng

Căn cứ quy định tại mục 3.1 Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và Điều 3 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 “*Không thực hiện sắp xếp đối với đơn vị hành chính có vị trí biệt lập*”. Xã Phong Năm là xã đảo, có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông liên kết với các xã, thị trấn liền kề, do phương tiện đi lại chỉ là phà, ghe; không thuộc đối tượng bắt buộc sắp xếp.

14. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Xuân Hòa, xã Trinh Phú và thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã An Lạc Thôn** có diện tích tự nhiên là **84,99 km²** (đạt 283,30% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **56.248 người** (đạt tỷ lệ 351,55% so với tiêu chuẩn).

- Xã **An Lạc Thôn** giáp sông Hậu, xã Phong Năm, xã Thới An Hội, xã Kế Sách, xã Đại Hải và tỉnh Hậu Giang hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã An Lạc Thôn** tại **UBND thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Xuân Hòa, xã Trinh Phú và thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách thành 01 xã mới có tên gọi là **xã An Lạc Thôn**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **84,99 km²**, quy mô dân số là **56.248 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

15. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Kế Sách, xã Kế An và xã Kế Thành, huyện Kế Sách.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Kế Sách** có diện tích tự nhiên là **61,58 km²** (đạt 205,27% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **43.332 người** (đạt tỷ lệ 270,83% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Kế Sách** giáp các xã Thới An Hội, xã Nhơn Mỹ, xã Phú Tâm, xã Đại Hải và xã An Lạc Thôn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Kế Sách** tại **UBND huyện Kế Sách** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Kế Sách, xã Kế An và xã Kế Thành, huyện Kế Sách thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Kế Sách**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND**

huyện Kế Sách hiện nay, có diện tích tự nhiên là **61,58 km²**, quy mô dân số là **43.332 người**: xã Kế An và xã Kế Thành có chung lịch sử hình thành, được tách ra từ xã cũ là xã Kế An, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

16. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Thới An Hội và xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Thới An Hội** có diện tích tự nhiên là **60,32 km²** (đạt 201,07% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **31.726 người** (đạt tỷ lệ 198,29% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Thới An Hội** giáp sông Hậu, tỉnh Trà Vinh, xã Nhơn Mỹ, xã Kế Sách và xã An Lạc Thôn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Thới An Hội** tại **UBND xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Thới An Hội và xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Thới An Hội**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **60,32 km²**, quy mô dân số là **31.726 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

17. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Đại Hải và xã Ba Trinh, huyện Kế Sách.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Đại Hải** có diện tích tự nhiên là **70,52 km²** (đạt 235,05% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **43.579 người** (đạt tỷ lệ 272,37% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Đại Hải** giáp các xã An Lạc Thôn, xã Kế Sách, xã Phú Tâm, xã Hồ Đắc Kiện và tỉnh Hậu Giang hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Đại Hải** tại **UBND xã Đại Hải, huyện Kế Sách** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Đại Hải và xã Ba Trinh thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Đại Hải**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Đại Hải, huyện Kế Sách** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **70,52 km²**, quy mô dân số là **43.579 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa,

tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

18. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Châu Thành và xã Phú Tâm, huyện Châu Thành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Phú Tâm** có diện tích tự nhiên là **48,88 km²** (đạt 162,93% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **33.318 người** (đạt tỷ lệ 208,24% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Phú Tâm** giáp các xã Nhơn Mỹ, xã Trường Khánh, xã Thuận Hòa, xã Hồ Đắc Kiện, xã Đại Hải, xã Kế Sách.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Phú Tâm** tại **UBND huyện Châu Thành** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Châu Thành và xã Phú Tâm thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Phú Tâm**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND huyện Châu Thành** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **48,88 km²**, quy mô dân số là **33.318 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

19. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã An Ninh và xã An Hiệp, huyện Châu Thành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã An Ninh** có diện tích tự nhiên là **68,81 km²** (đạt 229,37% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **40.181 người** (đạt tỷ lệ 251,13% so với tiêu chuẩn).

- Xã **An Ninh** giáp phường Sóc Trăng, xã Mỹ Hương, xã Hồ Đắc Kiện và xã Thuận Hòa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã An Ninh** tại **UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã An Ninh và xã An Hiệp, huyện Châu Thành thành 01 xã mới có tên gọi là **xã An Ninh**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **68,81 km²**, quy mô dân số là **40.181 người**: xã An Ninh và xã An Hiệp có chung lịch sử hình thành, được tách ra từ xã cũ là xã An Ninh, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

20. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Phú Tân và xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Thuận Hòa** có diện tích tự nhiên là **45,86 km²** (đạt 152,87% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **29.846 người** (đạt tỷ lệ 186,54% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Thuận Hòa** giáp các xã Trường Khánh, phường Sóc Trăng, xã An Ninh, xã Hồ Đắc Kien và xã Phú Tân.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Thuận Hòa** tại **UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Phú Tân và xã Thuận Hòa thành 01 xã mới có tên gọi là xã **Thuận Hòa**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **45,86 km²**, quy mô dân số là **29.846 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

21. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Hồ Đắc Kien và xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Hồ Đắc Kien** có diện tích tự nhiên là **72,61 km²** (đạt 242,03% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **31.322 người** (đạt tỷ lệ 195,76% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Hồ Đắc Kien** giáp các xã Đại Hải, xã Phú Tân, xã Thuận Hòa, xã Mỹ Hương, xã Long Hưng và tỉnh Hậu Giang hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Hồ Đắc Kien** tại **UBND xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Hồ Đắc Kien và xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Hồ Đắc Kien**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **72,61 km²**, quy mô dân số là **31.322 người**: xã Thiện Mỹ được hình thành từ một phần diện tích của xã Hồ Đắc Kien cũ trước đây, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

22. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Mỹ Tú và xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Mỹ Tú** có diện tích tự nhiên là **86,63 km²** (đạt 288,77% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **38.049 người** (đạt tỷ lệ 237,81% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Mỹ Tú** giáp các xã Mỹ Hương, xã Nhu Gia, xã Lâm Tân, xã Mỹ Phước và xã Long Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Mỹ Tú** tại **UBND huyện Mỹ Tú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Mỹ Tú và xã Mỹ Thuận thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Mỹ Tú**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND huyện Mỹ Tú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **86,63 km²**, quy mô dân số là **38.049 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

23. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Hưng Phú và xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Long Hưng** có diện tích tự nhiên là **79,71 km²** (đạt 265,70% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **33.579 người** (đạt tỷ lệ 209,87% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Long Hưng** giáp các xã Hồ Đắc Kiện, xã Mỹ Hương, xã Mỹ Tú, xã Mỹ Phước và tỉnh Hậu Giang hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Long Hưng** tại **UBND xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Hưng Phú và xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Long Hưng**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **79,71 km²**, quy mô dân số là **33.579 người**: xã Hưng Phú và xã Long Hưng có chung lịch sử hình thành, được tách ra từ xã cũ là xã Long Hưng, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

24. Giữ nguyên hiện trạng xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú.

a) Kết quả

- ĐVHC **xã Mỹ Phước** có diện tích tự nhiên là **97,36 km²** (đạt 324,53% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **23.539 người** (đạt tỷ lệ 147,12% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Mỹ Phước** giáp các xã Long Hưng, xã Mỹ Tú, xã Lâm Tân, xã Tân Long và phường Ngã Năm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Mỹ Phước** tại **UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do giữ nguyên hiện trạng

Căn cứ quy định Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Mỹ Phước đạt chuẩn theo quy định nên không thuộc đối tượng bắt buộc sắp xếp.

25. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Thuận Hưng, xã Phú Mỹ và xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Mỹ Hương** có diện tích tự nhiên là **104,74 km²** (đạt 349,13% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **51.412 người** (đạt tỷ lệ 321,33% so với tiêu chuẩn).

- Xã **Mỹ Hương** giáp các xã Hồ Đắc Kiện, xã An Ninh, phường Phú Lợi, phường Mỹ Xuyên, xã Nhu Gia, xã Mỹ Tú và xã Long Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Mỹ Hương** tại **UBND xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Thuận Hưng, xã Phú Mỹ và xã Mỹ Hương thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Mỹ Hương**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú** hiện nay, có diện tích tự nhiên là **104,74 km²**, quy mô dân số là **51.412 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

26. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Phường Vĩnh Phước và xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Vĩnh Phước** có diện tích tự nhiên là **103,15 km²** (đạt 1875,45% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **51.897 người** (đạt tỷ lệ 115,33% so với tiêu chuẩn).

- **Phường Vĩnh Phước** giáp các xã Hòa Tú, phường Khánh Hòa, phường Vĩnh Châu, biển Đông, xã Lai Hòa và tỉnh Bạc Liêu hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Vĩnh Phước** tại **UBND Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập phường Vĩnh Phước và xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu thành 01 xã mới có tên gọi là **Phường Vĩnh Phước**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu** hiện nay, có diện tích tự nhiên là

103,15 km², quy mô dân số là **51.897 người**: tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

27. Giữ nguyên hiện trạng xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu.

a) Kết quả

- ĐVHC **Xã Vĩnh Hải** có diện tích tự nhiên là **83,75 km²** (đạt 279,17% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **27.820 người** (đạt tỷ lệ 173,88% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Vĩnh Hải** giáp phường Khánh Hòa, xã Lịch Hội Thượng, biển Đông, phường Vĩnh Châu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Vĩnh Hải** tại **UBND xã Vĩnh Hải**, thị xã Vĩnh Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc giữ nguyên trạng (phương án, tên gọi, trụ sở)

Căn cứ quy định Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Vĩnh Hải đạt chuẩn theo quy định nên không thuộc đối tượng bắt buộc sắp xếp.

28. Giữ nguyên hiện trạng xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu.

a) Kết quả

- ĐVHC **Xã Lai Hòa** có diện tích tự nhiên là **55,37 km²** (đạt 184,57% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **29.426 người** (đạt tỷ lệ 183,91% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Lai Hòa** giáp phường Vĩnh Phước, biển Đông và tỉnh Bạc Liêu hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Lai Hòa** tại **UBND xã Lai Hòa**, thị xã Vĩnh Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc giữ nguyên trạng (phương án, tên gọi, trụ sở)

Căn cứ quy định Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Lai Hòa đạt chuẩn theo quy định nên không thuộc đối tượng bắt buộc sắp xếp.

29. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Phường 1, Phường 2 và xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Vĩnh Châu** có diện tích tự nhiên là **98,26 km²** (đạt 1.786,55% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **68.437 người** (đạt tỷ lệ 152,08% so với tiêu chuẩn).

- **Phường Vĩnh Châu** giáp phường Khánh Hòa, xã Vĩnh Hải, biển đông và phường Vĩnh Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Vĩnh Châu** tại **UBND thị xã Vĩnh Châu** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường 1, Phường 2 và xã Lạc Hòa thành 01 xã mới có tên gọi là **Phường Vĩnh Châu**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thị xã Vĩnh Châu hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **98,26 km²**, quy mô dân số là **68.437 người**: có vị trí liên kê và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

30. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Phường Khánh Hòa, xã Vĩnh Hiệp và xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Khánh Hòa** có diện tích tự nhiên là **130,48 km²** (đạt 2.372,36% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **37.634 người** (đạt tỷ lệ 83,63% so với tiêu chuẩn).

- **Phường Khánh Hòa** giáp các xã Thạnh Thới An, xã Liêu Tú, xã Vĩnh Hải, phường Vĩnh Châu, phường Vĩnh Phước, xã Hòa Tú và xã Ngọc Tố.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Khánh Hòa** tại **UBND Phường Khánh Hòa**, thị xã Vĩnh Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường Khánh Hòa, xã Vĩnh Hiệp và xã Hòa Đông thành 01 xã mới có tên gọi là **Phường Khánh Hòa**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND Phường Khánh Hòa hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **130,48 km²**, quy mô dân số là **37.634 người**: có vị trí liên kê và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

31. Thành lập phường trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Phường 1, Phường 2 và xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Ngã Năm** có diện tích tự nhiên là **95,30 km²** (đạt 1.732,73% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **58.588 người** (đạt tỷ lệ 130,20% so với tiêu chuẩn).

- **Phường Ngã Năm** giáp tỉnh Hậu Giang (hiện nay), xã Long Hưng, xã Mỹ Phước, xã Tân Long, phường Mỹ Quới và tỉnh Bạc Liêu (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Ngã Năm** tại **UBND thị xã Ngã Năm** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường 1, Phường 2 và xã Vĩnh Quới thành 01 xã mới có tên gọi là **Phường Ngã Năm**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thị xã Ngã Năm hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **95,30 km²**, quy mô dân số là **58.588 người**: có vị trí liên kê và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

32. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Phường 3, xã Mỹ Bình và xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Phường Mỹ Quới** có diện tích tự nhiên là **83,91 km²** (đạt 1.525,64% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **30.240 người** (đạt tỷ lệ 67,20% so với tiêu chuẩn).

- **Phường Mỹ Quới** giáp các phường Ngã Năm, xã Tân Long, xã Vĩnh Lợi và tỉnh Bạc Liêu (hiện nay).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Phường Mỹ Quới** tại **UBND xã Mỹ Quới**, thị xã Ngã Năm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập Phường 3, xã Mỹ Bình và xã Mỹ Quới thành 01 xã mới có tên gọi là **phường Mỹ Quới**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Mỹ Quới hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **83,91 km²**, quy mô dân số là **30.240 người**: có vị trí liên kê và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

33. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Long Bình, xã Tân Long thuộc thị xã Ngã Năm và xã Thạnh Tân thuộc huyện Thạnh Trị.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Tân Long** có diện tích tự nhiên là **102,12 km²** (đạt 340,40% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **35.492 người** (đạt tỷ lệ 221,82% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Tân Long** giáp các phường Ngã Năm, xã Mỹ Phước, xã Lâm Tân, xã Phú Lộc, xã Vĩnh Lợi và phường Mỹ Quới.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Tân Long** tại **UBND xã Tân Long**, thị xã Ngã Năm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Long Bình, xã Tân Long và xã Thạnh Tân thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Tân Long**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Tân Long hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **102,12 km²**, quy mô dân số là **35.492 người**: có vị

trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

34. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Phú Lộc, xã Thanh Trị và thị trấn Hưng Lợi, huyện Thanh Trị.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Phú Lộc** có diện tích tự nhiên là **80,15 km²** (đạt 267,17% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **50.929 người** (đạt tỷ lệ 318,31% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Phú Lộc** giáp các xã Tân Long, xã Lâm Tân, xã Gia Hòa, tỉnh Bạc Liêu (hiện nay) và xã Vĩnh Lợi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Phú Lộc** tại **Huyện ủy Thanh Trị** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Phú Lộc, xã Thanh Trị và thị trấn Hưng Lợi thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Phú Lộc**, trung tâm hành chính đặt tại **Huyện ủy Thanh Trị hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **80,15 km²**, quy mô dân số là **50.929 người**; có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

35. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Thành và xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Vĩnh Lợi** có diện tích tự nhiên là **76,82 km²** (đạt 256,07% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **24.319 người** (đạt tỷ lệ 151,99% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Vĩnh Lợi** giáp các xã Tân Long, xã Phú Lộc, tỉnh Bạc Liêu (hiện nay) và phường Mỹ Quới.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Xã Vĩnh Lợi** tại **UBND xã Vĩnh Lợi**, huyện Thanh Trị hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Thành và xã Châu Hưng thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Lợi**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Vĩnh Lợi hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **76,82 km²**, quy mô dân số là **24.319 người**; Xã Vĩnh Lợi và xã Vĩnh Thành có chung nguồn gốc lịch sử hình thành, từ xã cũ tách ra là xã Vĩnh Lợi, có vị trí liền kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

36. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Lâm Tân, xã Lâm Kiết và xã Thuận Túc, huyện Thanh Trì.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Xã Lâm Tân** có diện tích tự nhiên là **90,83 km²** (đạt 302,77% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **32.006 người** (đạt tỷ lệ 200,04% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Lâm Tân** giáp xã Mỹ Phước, xã Mỹ Tú, xã Nhu Gia, xã Gia Hòa, xã Phú Lộc và xã Tân Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Xã Lâm Tân** tại **UBND xã Lâm Tân**, huyện Thanh Trì hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Lâm Tân, xã Lâm Kiết và Xã Thuận Túc thành 01 xã mới có tên gọi là **Xã Lâm Tân**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Lâm Tân hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **90,83 km²**, quy mô dân số là **32.006 người**: Xã Lâm Tân và xã Lâm Kiết có chung nguồn gốc lịch sử hình thành, từ xã cũ tách ra là xã Lâm Kiết, có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

37. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: xã Thanh Thới An và xã Thanh Thới Thuận, huyện Trần Đề.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Xã Thanh Thới An** có diện tích tự nhiên là **87,15 km²** (đạt 290,50% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **29.019 người** (đạt tỷ lệ 181,37% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Thanh Thới An** giáp phường Mỹ Xuyên, xã Tài Văn, xã Liêu Tú, phường Khánh Hòa, xã Ngọc Tố.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Xã Thanh Thới An** tại **UBND xã Thanh Thới An**, huyện Trần Đề hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Thanh Thới An và xã Thanh Thới Thuận thành 01 xã mới có tên gọi là **Xã Thanh Thới An**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Thanh Thới An hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **87,15 km²**, quy mô dân số là **29.019 người**: Xã Thanh Thới An và xã Thanh Thới Thuận có chung nguồn gốc lịch sử hình thành, từ xã cũ tách ra là xã Thanh Thới An, có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong phục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

38. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Viên An và xã Tài Văn, huyện Trần Đề.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Xã Tài Văn** có diện tích tự nhiên là **68,07 km²** (đạt 226,90% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **34.490 người** (đạt tỷ lệ 215,56% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Tài Văn** giáp phường Phú Lợi, xã Tân Thạnh, xã Long Phú, xã Liêu Tú, xã Thanh Thới An và phường Mỹ Xuyên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Xã Tài Văn** tại **UBND xã Tài Văn**, huyện Trần Đề hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Viên An và xã Tài Văn thành 01 xã mới có tên gọi là **Xã Tài Văn**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Tài Văn hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **68,07 km²**, quy mô dân số là **34.490 người**: có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

39. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Liêu Tú và xã Viên Bình, huyện Trần Đề.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Liêu Tú** có diện tích tự nhiên là **83,15 km²** (đạt 277,17% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **31.370 người** (đạt tỷ lệ 196,06% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Liêu Tú** giáp các xã Long Phú, xã Trần Đề, xã Lịch Hội Thượng, phường Khánh Hòa, xã Thanh Thới An và xã Tài Văn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Liêu Tú** tại **UBND xã Liêu Tú**, huyện Trần Đề hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Liêu Tú và xã Viên Bình thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Liêu Tú**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã Liêu Tú hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **83,15 km²**, quy mô dân số là **31.370 người**: có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

40. Thành lập xã trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: Xã Lịch Hội Thượng và thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **Xã Lịch Hội Thượng** có diện tích tự nhiên là **48,99 km²** (đạt 163,30% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **27.913 người** (đạt tỷ lệ 174,46% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Lịch Hội Thượng** giáp các xã Trần Đề, xã Vĩnh Hải và xã Liêu Tú.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Xã Lịch Hội Thượng** tại **UBND thị trấn Lịch Hội Thượng**, huyện Trần Đề hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã Lịch Hội Thượng và thị trấn Lịch Hội Thượng thành 01 xã mới có tên gọi là **Xã Lịch Hội Thượng**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND thị trấn Lịch Hội Thượng hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **48,99 km²**, quy mô dân số là **27.913 người**: xã Lịch Hội Thượng và thị trấn Lịch Hội Thượng có chung nguồn gốc lịch sử hình thành, từ xã cũ tách ra là xã Lịch Hội Thượng, có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

41. Thành lập xã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Trần Đề, xã Đại Ân 2 và xã Trung Bình, huyện Trần Đề.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Trần Đề** có diện tích tự nhiên là **93,92 km²** (đạt 313,07% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **52.771 người** (đạt tỷ lệ 329,82% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Trần Đề** giáp xã Long Phú, giáp sông Hậu dọc với xã Cù Lao Dung, biển Đông, xã Lịch Hội Thượng và xã Liêu Tú.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Trần Đề** tại **UBND huyện Trần Đề** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Trần Đề, xã Đại Ân 2 và xã Trung Bình thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Trần Đề**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND huyện Trần Đề hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **93,92 km²**, quy mô dân số là **52.771 người**: Thị trấn Trần Đề và xã Trung Bình có chung nguồn gốc lịch sử hình thành, từ xã cũ tách ra là xã Trung Bình, có vị trí liên kề và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

42. Thành lập xã trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: Thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh 1, xã An Thạnh Tây và xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã An Thạnh** có diện tích tự nhiên là **94,92 km²** (đạt 316,40% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **37.711 người** (đạt tỷ lệ 235,69% so với tiêu chuẩn).

- **Xã An Thạnh** giáp sông Hậu dọc với xã Đại Ngãi, xã Nhơn Mỹ và tỉnh Trà Vinh hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **Xã An Thạnh** tại **UBND huyện Cù Lao Dung** hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh 1, xã An Thạnh Tây và xã An Thạnh Đông thành 01 xã mới có tên gọi là **xã An Thạnh**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND huyện Cù Lao Dung hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **94,92 km²**, quy mô dân số là **37.711 người**: có vị trí liên kê và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

43. Thành lập xã trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: Xã An Thạnh 2, xã Đại Ân 1, xã An Thạnh 3 và xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC **xã Cù Lao Dung** có diện tích tự nhiên là **150,13 km²** (đạt 500,43% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số là **44.973 người** (đạt tỷ lệ 281,08% so với tiêu chuẩn).

- **Xã Cù Lao Dung** giáp các xã An Thạnh, sông Hậu giáp dọc với tỉnh Trà Vinh hiện nay, biển Đông, sông Hậu giáp dọc với xã Trần Đề và xã Long Phú.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của **xã Cù Lao Dung** tại **UBND xã An Thạnh 3**, huyện Cù Lao Dung hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

Sáp nhập xã An Thạnh 2, xã Đại Ân 1, xã An Thạnh 3 và xã An Thạnh Nam thành 01 xã mới có tên gọi là **xã Cù Lao Dung**, trung tâm hành chính đặt tại **UBND xã An Thạnh 3 hiện nay**, có diện tích tự nhiên là **150,13 km²**, quy mô dân số là **44.973 người**: có vị trí liên kê và tiếp giáp nhau về mặt địa giới hành chính, tương đồng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. Khi sáp nhập sẽ mở rộng không gian phát triển hài hòa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, mở rộng không gian phát triển và bảo đảm quốc phòng an ninh.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

Trước khi sắp xếp, tỉnh Sóc Trăng có 108 ĐVHC cấp xã (gồm 80 xã, 16 phường, 12 thị trấn). Sau khi sắp xếp tỉnh Sóc Trăng còn 43 ĐVHC cấp xã (gồm 08 phường, 35 xã); giảm 65 ĐVHC cấp xã (gồm 45 xã, 08 phường, 12 thị trấn).

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

a) Tổ chức Đảng

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương để thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy thành phố.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tổ chức theo các quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hướng dẫn của các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương.

c) Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp các ĐVHC thực hiện theo quy định của pháp luật về Tổ chức chính quyền địa phương.

** HĐND của ĐVHC cấp xã mới thành lập*

- HĐND các xã (phường) sau thành lập sẽ được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Khóa của HĐND được tiếp tục tính theo khóa của HĐND ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi sau sắp xếp;

- Nhập nguyên trạng các Ban của HĐND cấp xã có cùng chức năng, nhiệm vụ với nhau.

** UBND của ĐVHC cấp xã mới thành lập*

- UBND các xã (phường) sau thành lập sẽ được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức các trường học trên địa bàn ĐVHC thuộc phạm vi sắp xếp để nghiên cứu, điều chỉnh, tổ chức lại mạng lưới các trường học cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC, không làm ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học;

- Rà soát, điều chỉnh, tổ chức lại mạng lưới y tế cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC, duy trì các hoạt động khám, chữa bệnh tại các địa bàn; sau khi thành lập ĐVHC mới, xem xét việc bố trí cơ sở khám, chữa bệnh để phục vụ nhân dân đảm bảo hợp lý, thuận lợi.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Bố trí số lượng CBCC của ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số CBCC có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

b) Bố trí số lượng CBCC của ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số CBCC có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp và số lượng CBCC cấp huyện được bố trí xuống làm việc tại ĐVHC cấp xã mới;

c) Bố trí số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của cơ quan, tổ chức ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

d) Số lượng lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và CBCC, NLĐ của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp được thực hiện theo đúng quy định cấp có thẩm quyền.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

a) Thực hiện bảo lưu các chế độ, chính sách về tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với những người được tiếp tục làm việc nhưng không giữ các chức vụ trước đây cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử (đối với những người giữ chức vụ do bầu cử) hoặc hết thời hạn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với những người giữ chức vụ do bổ nhiệm). Trường hợp thời hạn còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm dưới 06 tháng thì được bảo lưu tròn 06 tháng. Sau khi hết thời hạn được bảo lưu thì lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) được thực hiện theo chức vụ, chức danh hiện giữ hoặc giải quyết nghỉ chế độ theo quy định;

b) CBCC, NLĐ dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã, tùy từng trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của ĐVHC mới thành lập theo yêu cầu nhiệm vụ hoặc hưởng các chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ;

c) Căn cứ quy định chế độ, chính sách của Chính phủ, UBND cấp tỉnh kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với CBCC, NLĐ của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC đảm bảo đúng đối tượng và quyền, lợi ích của CBCC, NLĐ chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

2. Cấp chính quyền địa phương nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động, cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ cho hoạt động của ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp;

3. Sắp xếp, bố trí nhà ở công vụ cho đội ngũ CBCC, NLĐ của các ĐVHC cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại ĐVHC mới sau sắp xếp.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Rà soát, lập danh sách các ĐVHC cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn và xác định lộ trình rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của ĐVHC hình thành sau sắp xếp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù theo quy định của Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Người dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Phối hợp cấp ủy cấp huyện theo phân cấp quản lý cán bộ chỉ định cấp ủy chính thức, bí thư, phó bí thư, ban thường vụ đối với những ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư của các cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

Hướng dẫn công tác chuẩn bị đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 đối với ĐVHC cấp xã sau khi được sắp xếp.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích của việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã để cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh biết, thống nhất thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội

Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã; tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, công việc của Kế hoạch đến cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời thực hiện đảm bảo tiến độ, thời gian quy định;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh; làm đầu mối tập hợp các ý kiến, kiến nghị của địa phương xin ý kiến Bộ Nội vụ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

c) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn cơ quan, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, đúng thời gian, tiến độ đề ra; kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ Kế hoạch nhằm đảm bảo triển khai thực hiện đầy đủ, bám sát các quy định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương;

d) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri theo quy định;

đ) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp cơ sở sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVN và NLĐ tại ĐVHC cấp cơ sở sau khi thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC cấp xã;

e) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và các chính sách đối với người có công, chính sách xã An toàn khu, xã đảo... tại ĐVHC cấp cơ sở sau thực hiện sắp xếp và các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

g) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức lựa chọn, thuê đơn vị tư vấn để xây dựng, lập các loại bản đồ địa giới ĐVHC các cấp phục vụ công tác sắp xếp ĐVHC các cấp; thực hiện việc lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp liên quan đến việc sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC các cấp; thực hiện phân loại ĐVHC theo quy định;

h) Định kỳ tổng hợp báo cáo, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

i) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ số hoá tài liệu trước khi sáp nhập đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Cung cấp số liệu diện tích tự nhiên theo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh để UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở Nội vụ làm căn cứ lập, hoàn thiện phương án, đề án sắp xếp ĐVHC các cấp;

b) Chủ trì, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và xây dựng bản đồ các loại thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của ngành để phục vụ tốt công tác thực hiện việc sắp xếp ĐVHC các cấp của tỉnh;

c) Hướng dẫn cơ quan, địa phương rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC các cấp do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC sau khi thực hiện sắp xếp;

d) Chủ trì, hướng dẫn UBND các cấp rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2030 tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; đồng thời, hướng dẫn việc công nhận các xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với các nhiệm vụ có liên quan đến việc quy hoạch của tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

b) Rà soát, báo cáo đề xuất UBND tỉnh tạm dừng phê duyệt, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở công tác tại những

ĐVHC dự kiến sắp xếp sáp nhập, điều chỉnh vào ĐVHC khác, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Tham mưu, hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và việc chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi ĐHC các cấp khi thực hiện sắp xếp;

d) Tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có), báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

đ) Hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương về dự toán, việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC cấp cơ sở sau khi thực hiện sắp xếp; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC các cấp.

7. Sở Xây dựng

a) Chủ trì thẩm định, hướng dẫn địa phương rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, gắn với ĐVHC cấp cơ sở, cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền theo quy định để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch;

b) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh các nội dung công việc triển khai theo thẩm quyền và nhiệm vụ của từng sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, phân loại đô thị, chính sách nhà ở đối với CBCCVC và NLĐ chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC các cấp theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

8. Sở Tư pháp

Hướng dẫn địa phương thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC các cấp sau khi thực hiện sắp xếp.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí, truyền thông/công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, thông tin lưu động và các hình thức tuyên truyền phù hợp khác,... nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, đội ngũ CBCCVC, NLĐ và Nhân dân trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp;

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra và phát hiện xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả dẫn dắt làm hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị;

c) Chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và thực hiện việc xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản hoặc di tích lịch sử và các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

10. Công an tỉnh

a) Cung cấp, xác nhận số liệu quy mô dân số (dân số thường trú) của từng ĐVHC tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 để các cơ quan, địa phương có căn cứ xây dựng phương án, đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã;

b) Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về an ninh; tham mưu, thực hiện rà soát, xác định ĐVHC cấp cơ sở hình thành sau sắp xếp có vị trí trọng yếu về an ninh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Hướng dẫn, thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp cơ sở thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới hành chính và tên gọi ĐVHC sau sắp xếp;

d) Tiếp tục duy trì, củng cố lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi sắp xếp ĐVHC; xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp đội ngũ công an chính quy tại các ĐVHC cấp cơ sở khi thực hiện sắp xếp.

11. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

a) Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về quốc phòng; hướng dẫn và thực hiện việc rà soát, xác định đơn vị hành chính cấp xã được thành lập mới sau sắp xếp là đơn vị trọng điểm về quốc phòng;

b) Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp dưới phối hợp với UBND cùng cấp xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp cơ sở và hướng dẫn về tổ chức lực lượng dân quân tự vệ sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định.

12. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan giúp UBND tỉnh trong việc tổ chức công tác khoa học, công nghệ, thông tin, truyền thông có liên quan để phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước triển khai các nhiệm vụ, công việc thực hiện sắp xếp ĐVHC, hiện đại hóa tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức các cấp trong hệ thống chính trị tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan số hoá tài liệu trước khi sáp nhập đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025.

13. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn việc sắp xếp cơ quan, đơn vị y tế thuộc thẩm quyền quản lý, cán bộ dân số kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn ĐVHC cấp cơ sở sau sắp xếp và thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

14. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo rà soát, đề xuất việc sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục công lập

trên địa bàn ĐVHC cấp cơ sở sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

15. Văn phòng UBND tỉnh

a) Trình ký các văn bản và phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu tổ chức các cuộc họp của UBND tỉnh liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC (xin ý kiến lãnh đạo UBND tỉnh về thời gian, địa điểm họp; chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật và điều kiện tổ chức cuộc họp...);

b) Phối hợp với Sở Nội vụ dự thảo các văn bản báo cáo, xin ý kiến Đảng ủy UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC các cấp;

c) Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, sở, ban, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

16. Sở, ban, ngành tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC các cấp theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh;

b) Chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực, phù hợp với việc điều chỉnh, sắp xếp ĐVHC tại tỉnh. Cung cấp số liệu và phối hợp với địa phương trong việc xây dựng Phương án, Đề án (khi có yêu cầu);

c) Hướng dẫn công tác bàn giao, tiếp nhận và chuyển đổi các loại giấy tờ cho Nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực.

17. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ các quy định của Trung ương, văn bản chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh để rà soát, ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả việc thực hiện sắp xếp ĐVHC trên địa bàn. Căn cứ phương án sắp xếp đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua, tiến hành xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc quản lý theo đúng mẫu hướng dẫn của Sở Nội vụ. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã trong việc tổ chức lấy ý kiến cử tri; chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến cử tri; tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn để báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) và Hội đồng nhân dân cùng cấp; trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã xem xét, thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính;

c) Chỉ đạo tạm dừng việc bầu, bổ nhiệm mới các chức danh lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, tiếp nhận CBCCVC tại cơ quan, đơn vị thuộc diện sắp xếp ĐVHC cho đến khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC các cấp; trừ trường hợp khuyết người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không bố trí được người phụ trách theo quy định của pháp luật thì báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, giải quyết;

d) Căn cứ chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Nội vụ và cơ quan liên quan đề rà soát, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và NLĐ tại ĐVHC cấp cơ sở sau khi thực hiện sắp xếp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, lập phương án sắp xếp, bàn giao, quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC thực hiện sắp xếp, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý tài liệu lưu trữ ở ĐVHC cấp cơ sở mới thành lập sau sắp xếp;

e) Chỉ đạo cơ quan, địa phương trên địa bàn đảm bảo tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương vẫn thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, thông suốt theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

18. UBND cấp xã (sau sắp xếp gọi là cấp cơ sở)

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền việc thực hiện các chủ trương, quy định pháp luật về sắp xếp ĐVHC các cấp nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở địa phương;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn ấp, khóm tổ chức lấy ý kiến cử tri là đại diện hộ gia đình; tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn để báo cáo UBND các huyện, thị xã, thành phố; trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp;

c) Chủ động rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và NLĐ tại ĐVHC cấp cơ sở khi thực hiện sắp xếp; phối hợp thực hiện hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC;

d) Tạo điều kiện cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC cấp cơ sở mới hình thành sau khi sắp xếp; thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp theo thẩm quyền được quy định;

đ) Khẩn trương rà soát, lập phương án sắp xếp, bàn giao, quản lý tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý để báo cáo UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

a) Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã là phù hợp với chủ trương hiện nay, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đồng thời, cụ thể hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 khóa XII; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025

của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã đã nhận được sự đồng thuận của các ngành, các cấp ở địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở, ban ngành;
- UBND cấp huyện, cấp xã;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Lâu

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8
TỈNH SÓC TRĂNG		3.298,20		1.703.286			
I	Thành phố Sóc Trăng	76,00		163.735			
1	Các Phường						
1.1	Phường 1	5,60	101,82	17.568	250,97		X
1.2	Phường 2	6,17	112,18	30.504	435,77		X
1.3	Phường 3	6,16	112,00	30.217	431,67		X
1.4	Phường 4	8,86	161,09	17.227	246,10		X
1.5	Phường 5	21,47	390,36	18.723	267,47		X
1.6	Phường 6	2,16	39,27	14.588	208,40		X
1.7	Phường 7	7,93	144,18	11.797	168,53		X
1.8	Phường 8	10,11	183,82	16.145	230,64		X
1.9	Phường 10	7,54	137,09	6.966	99,51		X
II	Huyện Mỹ Xuyên	373,13		195.034			
1	Các xã						
1.1	Xã Hòa Tú 1	31,97	106,57	10.809	135,11		X
1.2	Xã Hòa Tú 2	35,18	117,27	13.690	171,13		X
1.3	Xã Ngọc Đông	35,51	118,37	13.182	164,78		X
1.4	Xã Ngọc Tố	27,77	92,57	12.118	151,48		X
1.5	Xã Thạnh Quới	50,93	169,77	30.310	378,88		X
1.6	Xã Gia Hòa 2	26,13	87,10	9.825	122,81		X
1.7	Xã Thạnh Phú	47,94	159,80	28.258	353,23		X
1.8	Xã Gia Hòa 1	27,65	92,17	10.132	126,65		X
1.9	Xã Tham Đôn	49,25	164,17	21.907	273,84		X
1.10	Xã Đại Tâm	25,86	86,20	20.666	258,33		X
2	Thị trấn						
2.1	Thị trấn Mỹ Xuyên	14,94	106,71	24.137	301,71		X
III	Huyện Long Phú	264,76		143.938			
1	Các xã						
1.1	Xã Tân Thạnh	22,05	73,51	11.430	142,88		X
1.2	Xã Châu Khánh	15,54	51,79	8.091	101,14		X
1.3	Xã Trường Khánh	30,58	101,92	19.550	244,38		X
1.4	Xã Hậu Thạnh	13,92	46,42	6.607	82,59		X
1.5	Xã Phú Hữu	13,83	46,11	8.464	105,80		X
1.6	Xã Long Đức	29,69	98,97	12.296	153,70		X
1.7	Xã Tân Hưng	33,22	110,72	16.285	203,56		X
1.8	Xã Long Phú	50,09	166,96	20.960	262,00		X
1.9	Xã Song Phụng	21,18	70,59	9.216	115,20		X
2	Các thị trấn						
2.1	Thị trấn Đại Ngãi	7,98	56,98	12.236	152,95		X
2.2	Thị trấn Long Phú	26,69	190,62	18.803	235,04		X
IV	Huyện Kế Sách	353,26		214.298			
1	Các xã						
1.1	Xã An Mỹ	29,35	97,84	17.579	219,74		X
1.2	Xã Nhơn Mỹ	29,20	97,34	15.418	192,73		X
1.3	Xã Phong Năm	17,30	57,68	6.416	80,20	X	
1.4	Xã Xuân Hòa	38,14	127,12	27.494	343,68		X

STT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8
1.5	Xã Trinh Phú	26,55	88,49	15.621	195,26		X
1.6	Xã Kế An	21,48	71,59	10.975	137,19		X
1.7	Xã Kế Thành	25,47	84,89	14.277	178,46		X
1.8	Xã Thới An Hội	32,62	108,75	19.826	247,83		X
1.9	Xã An Lạc Tây	27,70	92,33	11.900	148,75		X
1.10	Xã Đại Hải	38,66	128,88	25.671	320,89		X
1.11	Xã Ba Trinh	31,85	106,17	17.908	223,85		X
2	Các thị trấn						
2.1	Thị trấn An Lạc Thôn	20,30	145,03	13.133	164,16		X
2.2	Thị trấn Kế Sách	14,64	104,55	18.080	226,00		X
V	Huyện Châu Thành	236,16		134.667			
1	Các xã						
1.1	Xã Hồ Đắc Kien	47,51	158,37	19.163	239,54		X
1.2	Xã Thuận Hòa	18,39	61,30	11.175	139,69		X
1.3	Xã An Ninh	36,34	121,13	18.649	233,11		X
1.4	Xã An Hiệp	32,47	108,23	21.532	269,15		X
1.5	Xã Phú Tân	27,47	91,57	18.671	233,39		X
1.6	Xã Phú Tâm	41,00	136,67	21.774	272,18		X
1.7	Xã Thiện Mỹ	25,10	83,67	12.159	151,99		X
2	Thị trấn						
2.1	Thị trấn Châu Thành	7,88	56,29	11.544	144,30		X
VI	Huyện Mỹ Tú	368,44		146.579			
1	Các xã						
1.1	Xã Mỹ Hương	26,57	88,57	13.284	166,05		
1.2	Xã Hưng Phú	40,00	133,33	16.212	202,65		X
1.3	Xã Long Hưng	39,71	132,37	17.367	217,09		X
1.4	Xã Mỹ Phước	97,36	324,53	23.539	294,24		
1.5	Xã Mỹ Tú	42,24	140,80	15.499	193,74		X
1.6	Xã Mỹ Thuận	32,96	109,87	13.591	169,89		X
1.7	Xã Thuận Hưng	36,82	122,73	18.185	227,31		X
1.8	Xã Phú Mỹ	41,35	137,83	19.943	249,29		X
2	Thị trấn						
2.1	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	11,43	38,10	8.959	111,99		X
VII	Thị xã Vĩnh Châu	471,01		215.214			
1	Các xã						
1.1	Xã Vĩnh Hải	83,75	279,17	27.820	347,75		
1.2	Xã Lai Hòa	55,37	184,57	29.426	367,83		
1.3	Xã Vĩnh Tân	52,08	173,60	21.105	263,81		X
1.4	Xã Vĩnh Hiệp	38,44	128,13	10.547	131,84		X
1.5	Xã Lạc Hòa	41,28	137,60	19.734	246,68		X
1.6	Xã Hòa Đông	45,88	152,93	12.868	160,85		X
2	Các phường						
2.1	Phường 1	13,37	243,09	20.046	400,92		X
2.2	Phường 2	43,61	792,91	28.657	573,14		X
2.3	Phường Vĩnh Phước	51,07	928,55	30.792	615,84		X
2.4	Phường Khánh Hòa	46,16	839,27	14.219	284,38		X
VIII	Thị xã Ngã Năm	241,94		109.747			
1	Các xã						
1.1	Xã Vĩnh Quới	31,00	103,33	14.926	186,58		X
1.2	Xã Mỹ Bình	20,66	68,87	7.365	92,06		X

STT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8
1.3	Xã Mỹ Quới	29,38	97,93	11.330	141,63		X
1.4	Xã Long Bình	30,16	100,53	8.594	107,43		X
1.5	Xã Tân Long	32,57	108,57	12.325	154,06		X
2	Các phường						
2.1	Phường 1	19,52	354,91	19.875	397,50		X
2.2	Phường 2	44,78	814,18	23.787	475,74		X
2.3	Phường 3	33,87	615,82	11.545	230,90		X
IX	Huyện Trần Đề	381,28		175.563			
1	Các xã						
1.1	Xã Thạnh Thới An	51,18	170,60	15.970	199,63		X
1.2	Xã Thạnh Thới Thuận	35,97	119,90	13.049	163,11		X
1.3	Xã Viên An	27,00	90,00	13.704	171,30		X
1.4	Xã Tài Văn	41,07	136,90	20.786	259,83		X
1.5	Xã Liêu Tú	50,44	168,13	18.773	234,66		X
1.6	Xã Viên Bình	32,71	109,03	12.597	157,46		X
1.7	Xã Lịch Hội Thượng	28,15	93,83	10.200	127,50		X
1.8	Xã Trung Bình	46,31	154,37	18.987	237,34		X
1.9	Xã Đại Ân 2	28,66	95,53	15.047	188,09		X
2	Các thị trấn						
2.1	Thị trấn Lịch Hội Thượng	20,84	148,86	17.713	221,41		X
2.2	Thị trấn Trần Đề	18,95	135,36	18.737	234,21		X
X	Huyện Cù Lao Dung	245,05		82.684			
1	Các xã						
1.1	Xã An Thạnh 1	29,81	99,37	10.891	136,14		X
1.2	Xã An Thạnh Tây	17,44	58,13	7.479	93,49		X
1.3	Xã An Thạnh Đông	40,27	134,23	11.933	149,16		X
1.4	Xã An Thạnh 2	25,26	84,20	10.323	129,04		X
1.5	Xã Đại Ân 1	40,94	136,47	11.750	146,88		X
1.6	Xã An Thạnh 3	41,68	138,93	14.190	177,38		X
1.7	Xã An Thạnh Nam	42,25	140,83	8.710	108,88		X
2	Thị trấn						
2.1	Thị trấn Cù Lao Dung	7,40	52,86	7.408	92,60		X
XI	Huyện Thạnh Trị	287,19		121.827			
1	Các xã						
1.1	Xã Thạnh Trị	35,36	117,87	13.056	163,20		X
1.2	Xã Vĩnh Thành	25,87	86,23	7.551	94,39		X
1.3	Xã Châu Hưng	28,71	95,70	9.180	114,75		X
1.4	Xã Vĩnh Lợi	22,24	74,13	7.588	94,85		X
1.5	Xã Lâm Tân	41,54	138,47	11.400	142,50		X
1.6	Xã Lâm Kiết	18,54	61,80	8.609	107,61		X
1.7	Xã Thạnh Tân	39,39	131,30	14.573	182,16		X
1.8	Xã Tuân Túc	30,75	102,50	11.997	149,96		X
2	Thị trấn						
2.1	Thị trấn Phú Lộc	25,35	181,07	21.255	265,69		X
2.2	Thị trấn Hưng Lợi	19,44	64,80	16.618	207,73		X

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

**THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ TIÊU CHUẨN VÀ
KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP DO CÓ YẾU TỐ ĐẶC THÙ**
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8
IV	Huyện Kế Sách						
1	Xã						
1.1	Xã Phong Nẫm	17,30	57,68	6.416	40,10	X	
VI	Huyện Mỹ Tú						
1	Xã						
1.1	Xã Mỹ Phước	97,36	324,53	23.539	147,12		
VII	Thị xã Vĩnh Châu						
1	Các xã						
1.1	Xã Vĩnh Hải	83,75	279,17	27.820	173,88		
1.2	Xã Lai Hòa	55,37	184,57	29.426	183,91		

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỈNH SÓC TRĂNG								
I	Thành phố Sóc Trăng							
1	Các Phường							
1.1	Phường Phú Lợi	Nhập Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4	3	26,79	487,09	95.516	212,26	
1.2	Phường Sóc Trăng	Nhập Phường 5, Phường 6, Phường 7, Phường 8	3	41,67	757,64	61253	136,12	
1.3	Phường Mỹ Xuyên	Nhập Phường 10, thị trấn Mỹ Xuyên, Đại Tâm (H. Mỹ Xuyên)	2	48,34	878,91	51.769	115,04	
II	Huyện Mỹ Xuyên							
1	Các Xã							
1.1	Xã Hòa Tú	Nhập Xã Hòa Tú 1, xã Hòa Tú 2	1	67,15	223,83	24.499	153,12	
1.2	Xã Gia Hòa	Nhập Xã Thạnh Quới, xã Gia Hòa 2	1	77,06	256,87	40.135	250,84	
1.3	Xã Nhu Gia	Nhập Xã Thạnh Phú, xã Gia Hòa 1	1	75,59	251,97	38.390	239,94	
1.4	Xã Ngọc Tố	Nhập Xã Tham Đôn, xã Ngọc Tố, xã Ngọc Đông	2	112,53	375,10	47.207	295,04	
III	Huyện Long Phú							
1	Các Xã							
1.1	Xã Trường Khánh	Nhập Xã Hậu Thạnh, xã Trường Khánh và xã Phú Hữu	2	58,33	194,43	34.621	216,38	
1.2	Xã Đại Ngãi	Nhập Thị trấn Đại Ngãi và xã Long Đức	1	37,67	125,57	24.532	153,33	
1.3	Xã Tân Thạnh	Nhập Xã Tân Hưng, xã Châu Khánh và xã Tân Thạnh	2	70,80	236,00	35.806	223,79	
1.4	Xã Long Phú	Nhập Xã Long Phú và thị trấn Long Phú	1	76,77	255,90	39.763	248,52	

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
IV	Huyện Kế Sách							
1	Các xã							
1.1	Xã Nhon Mỹ	Nhập xã An Mỹ, xã Nhon Mỹ và xã Song Phụng (H. Long Phú)	2	79,73	265,77	42.213	263,83	
1.2	Xã Phong Năm	Xã Phong Năm	0	17,30	57,67	6.416	40,10	Vị trí biệt lập
1.3	Xã An Lạc Thôn	Nhập xã Xuân Hòa, xã Trinh Phú và Thị trấn An Lạc Thôn	2	84,99	283,30	56.248	351,55	
1.4	Xã Kế Sách	Nhập thị trấn Kế Sách, xã Kế An và xã Kế Thành	2	61,58	205,27	43.332	270,83	
1.5	Xã Thới An Hội	Nhập xã Thới An Hội và xã An Lạc Tây	1	60,32	201,07	31.726	198,29	
1.6	Xã Đại Hải	Nhập xã Đại Hải và xã Ba Trinh	1	70,52	235,07	43.579	272,37	
V	Huyện Châu Thành							
1	Các xã							
1.1	Xã Phú Tâm	Nhập thị trấn Châu Thành và xã Phú Tâm	1	48,88	162,93	33.318	208,24	
1.2	Xã An Ninh	Nhập xã An Ninh và xã An Hiệp	1	68,81	229,37	40.181	251,13	
1.3	Xã Thuận Hòa	Nhập xã Phú Tân xã Thuận Hòa	1	45,86	152,87	29.846	186,54	
1.4	Xã Hồ Đắc Kien	Nhập xã Hồ Đắc Kien và xã Thiện Mỹ	1	72,61	242,03	31.322	195,76	
VI	Huyện Mỹ Tú							
1	Các xã							
1.1	Xã Mỹ Tú	Nhập thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Nhập xã Mỹ Tú và xã Mỹ Thuận	2	86,63	288,77	38.049	237,81	
1.2	Xã Long Hưng	Nhập xã Hưng Phú và xã Long Hưng	1	79,71	265,70	33.579	209,87	
1.3	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Phước	0	97,36	324,53	23.539	147,12	
1.4	Xã Mỹ Hương	Nhập xã Thuận Hưng, xã Phú Mỹ và xã Mỹ Hương	2	104,74	349,13	51.412	321,33	
VII	Thị xã Vĩnh Châu							
1	Các xã							
1.1	Xã Vĩnh Hải	Xã Vĩnh Hải	0	83,75	279,17	27.820	173,88	

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.2	Xã Lai Hòa	Xã Lai Hòa	0	55,37	184,57	29.426	183,91	
2	Các Phường							
2.1	Phường Vĩnh Phước	Nhập phường Vĩnh Phước và xã Vĩnh Tân	1	103,15	343,83	51.897	324,36	
2.2	Phường Vĩnh Châu	Nhập Phường 1, Phường 2 và xã Lạc Hòa	2	98,26	1.786,55	68.437	152,08	
2.3	Phường Khánh Hòa	Nhập Phường Khánh Hòa, xã Vĩnh Hiệp và xã Hòa Đông	2	130,48	2.372,36	37.634	83,63	
VIII	Thị xã Ngã Năm							
1	Xã							
1.1	Xã Tân Long	Nhập xã Long Bình, xã Tân Long và xã Thạnh Tân (H.Thạnh Trị)	2	90,83	302,77	32.006	200,04	
2	Các Phường							
2.1	Phường Ngã Năm	Nhập Phường 1, Phường 2 và xã Vĩnh Quới	2	95,30	1.732,73	58.588	130,20	
2.2	Phường Mỹ Quới	Nhập Phường 3, xã Mỹ Bình và xã Mỹ Quới	2	83,91	1.525,64	30.240	67,20	
IX	Huyện Thạnh Trị							
1	Các xã							
1.1	Xã Phú Lộc	Nhập thị trấn Phú Lộc, xã Thạnh Trị và Thị trấn Hưng Lợi	2	80,15	267,17	50.929	318,31	
1.2	Xã Vĩnh Lợi	Nhập xã Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Thành và xã Châu Hưng	2	76,82	256,07	24.319	151,99	
1.3	Xã Lâm Tân	Nhập xã Lâm Tân, xã Lâm Kiết và xã Thuận Túc	2	90,83	302,77	32.006	200,04	
X	Huyện Trần Đề							
1	Các xã							
1.1	Xã Thạnh Thới An	Nhập xã Thạnh Thới An và xã Thạnh Thới Thuận	1	87,15	290,50	29.019	181,37	
1.2	Xã Tài Văn	Nhập xã Viên An và xã Tài Văn	1	68,07	226,90	34.490	215,56	
1.3	Xã Liêu Tú	Nhập xã Liêu Tú và xã Viên Bình	1	83,15	277,17	31.370	196,06	

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích Km ²	Tỷ lệ (%)	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.4	Xã Lịch Hội Thượng	Nhập xã Lịch Hội Thượng và thị trấn Lịch Hội Thượng	1	48,99	163,30	27.913	174,46	
1.5	Xã Trần Đề	Nhập thị trấn Trần Đề, xã Đại Ân 2 và xã Trung Bình	2	93,92	313,07	52.771	329,82	
XI	Huyện Cù Lao Dung							
1	Các xã							
1.1	Xã An Thạnh	Nhập thị trấn Cù Lao Dung, xã An Thạnh 1, xã An Thạnh Tây và xã An Thạnh Đông	3	94,92	316,40	37.711	235,69	
1.2	Xã Cù Lao Dung	Nhập xã An Thạnh 2, xã Đại Ân 1, xã An Thạnh 3, xã An Thạnh Nam	3	150,13	500,43	44.937	280,86	

Ghi chú:
- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Sóc Trăng)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không đạt chuẩn không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC đạt chuẩn không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	80	3	1	0	76	35	1	45
Phường	16	0	0	0	16	8	0	8
Thị trấn	12	0	0	0	12	0	0	12
Tổng	108	3	1	0	104	43	1	65

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dư dôi				Phương án bố trí											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
														Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1.6	Xã Thiện Mỹ	11	12		15	11	10		12					1	1										
1.7	Xã Hồ Đắc Kien	11	13		16	11	10		12					1	1										
2	Thị trấn																								
2.1	Thị trấn Châu Thành	11	10		13	11	10		10					1	1						1				
III. Huyện Kế Sách		155	147	0	198	138	126	0	170	0	0	0	0	53	48	0	0	0	0	0	49	0	0	0	0
1	Các xã																								
1.1	Xã An Mỹ	12	12		16	11	10		14					7	5						3				
1.2	Xã Kế Thành	12	11		15	10	9		11					5	5						4				
1.3	Xã Kế An	11	9		12	10	8		12					3	3						2				
1.4	Xã Đại Hải	12	13		17	10	9		10					4	5						6				
1.5	Xã Nhơn Mỹ	12	12		16	11	11		13					6	1						7				
1.6	Xã An Lạc Tây	12	11		15	11	11		14					4	5						3				
1.7	Xã Thới An Hội	12	12		16	10	10		14					4	3						3				
1.8	Xã Trinh Phú	12	11		15	11	10		14					4	3						2				
1.9	Xã Ba Trinh	12	12		16	11	10		14												2				
1.10	Xã Phong Năm	12	8		12	10	8		11					6	5										
1.11	Xã Xuân Hòa	12	13		17	11	11		16					3	5						10				

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dư dôi				Phương án bố trí											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
														Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
2	Các thị trấn																								
2.1	TT Kế Sách	12	12		16	11	9		14					4	4						2				
2.2	TT An Lạc Thôn	12	11		15	11	10		13					3	4						5				
IV. Huyện Long Phú		132	111		155	113	89		132					26	12						17				0
1	Các xã																								
1.1	Xã Song Phụng	12	8		12	10	7		10					1											
1.2	Xã Hậu Thạnh	12	8		12	10	8		11					4							1				
1.3	Xã Trường Khánh	12	12		16	11	8		16					3											
1.4	Xã Tân Thạnh	12	11		15	9	10		10					1	3										
1.5	Xã Tân Hưng	12	12		16	11	8		16												5				
1.6	Xã Châu Khánh	12	8		12	10	8		10					1	3						10				
1.7	Xã Phú Hữu	12	8		12	10	8		10					1	3										
1.8	Xã Long Đức	12	11		15	11	7		11					4											
1.9	Xã Long Phú	12	12		16	10	9		15																
2	Các thị trấn																								
2.1	Thị trấn Long Phú	12	12		16	11	9		12					5	2										
2.2	Thị trấn Đại Ngãi	12	9		13	10	7		11					6	1						1				
V. Huyện Mỹ Xuyên		132	130		174	117	107		133					39	29						11				0
1	Các xã																								
1.1	Tham Đôn	12	13		17	11	9		12					4	2						7				
1.2	Đại Tâm	12	12		16	10	10		10					5	1										
1.3	Thạnh Phú	12	15		19	11	9		13					4	1										
1.4	Thạnh Quới	12	15		19	11	9		11					2											

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dư dôi				Phương án bố trí											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
														Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1.5	Gia Hòa 1	12	10		14	11	8		14					3	3										
1.6	Gia Hòa 2	12	10		14	11	10		13					3	2										
1.7	Hòa Tú 1	12	10		14	11	10		12					3	2										
1.8	Hòa Tú 2	12	11		15	10	11		12					2	4						1				
1.9	Ngọc Tổ	12	10		14	11	10		13					7	6						2				
1.10	Ngọc Đông	12	11		15	10	10		12					5	4						1				
2	Thị trấn																								
2.1	Thị trấn Mỹ Xuyên	12	13		17	10	11		11					1	4										
VI. Huyện Mỹ Tú		108	104	0	139	97	86	0	107	0	0	0	0	39	15	0	0	0	0	0	9	0	0	0	0
1	Các xã																								
1.1	Xã Long Hưng	12	12		17	11	9		12					8	1										
1.2	Xã Hưng Phú	12	11		15	11	10		14					5	4						0				
1.3	Xã Mỹ Hương	12	11		15	11	9		13					5	1						2				
1.4	Xã Mỹ Tú	12	11		15	11	9		15					2	2						2				
1.5	Xã Mỹ Phước	12	14		17	11	9		12					4	2						3				
1.6	Xã Thuận Hưng	12	14		16	11	10		13					5	3						2				
1.7	Xã Mỹ Thuận	12	11		15	11	11							3											
1.8	Xã Phú Mỹ	12	11		15	10	10		15					2	1										
2	Thị trấn																								
2.1	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	12	9		14	10	9		13					5	1										
VII. Huyện Thạnh Trị		110	112		142	108	98		101					15	17					1	0				0
1	Các xã																								
1.1	Xã Vĩnh Thành	11	10		13	11	7		11						1										
1.2	Xã Vĩnh Lợi	11	10		13	10	8		8					3	3										
1.3	Xã Châu Hưng	11	11		14	11	9		11					1	1					1					

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dư dôi				Phương án bố trí											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
														Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1.4	Xã Thạnh Trị	11	12		15	11	11		10					2											
1.5	Xã Thạnh Tân	11	12		15	11	11		8					1	4										
1.6	Xã Tuân Tức	11	11		14	11	10		11																
1.7	Xã Lâm Tân	11	11		14	11	10		11					3	1										
1.8	Xã Lâm Kiết	11	11		14	11	10		11					1											
2	Các thị trấn																								
2.1	Thị trấn Phú Lộc	11	12		15	11	11		11					3	4										
2.2	Thị trấn Hưng Lợi	11	12		15	10	11		9					1	3										
VIII. Huyện Trần Đề		132	125		169	113	98		138					30	30					13					125
1	Các xã																								
1.1	Xã Trung Bình	12	12		16	10	9		13					4	2					3					10
1.2	Xã Lịch Hội Thượng	12	10		14	9	8		10					0	2										10
1.3	Xã Viên Bình	12	11		15	11	8		14					4	6										14
1.4	Xã Đại Ân 2	12	11		15	10	10		14					3	3										14
1.5	Xã Thanh Thới Thuận	12	11		15	10	10		14					3	5					3					11
1.6	Xã Tài Văn	12	12		16	11	10		11					3	3					2					9
1.7	Xã Liêu Tú	12	12		16	10	10		11					2	1					1					10
1.8	Xã Thanh Thới An	12	11		15	11	7		12					2	1					0					12
1.9	Xã Viên An	12	11		15	11	7		12					4	3					4					8
2	Các thị trấn																								
2.1	Thị trấn Lịch Hội Thượng	12	12		16	10	10		14					2	3										14
2.2	Thị trấn Trần Đề	12	12		16	10	9		13					3	1										13
IX. Thị xã Ngã Năm		88	98	0	138	88	82	0	119	0	0	0	0	19	15	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Các xã																								

[illegible]

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dư dôi				Phương án bố trí											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
														Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách cấp xã
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1.4	Xã Vĩnh Tân	12	13		17	8	11		15					1	1						1				
1.5	Xã Lai Hòa	12	15		19	10	9		15																
1.6	Xã Vĩnh Hiệp	12	10		14	11	8		14					2	1										
2	Các phường																								
2.1	Pường 1	12	17		20	10	11		13					3	1										
2.2	Pường 2	12	23		26	11	10		20					2	5										
2.3	Pường Khánh Hòa	12	21		24	11	9		11						1										
2.4	Pường Vĩnh Phước	12	25		28	10	13		15					1											

*Huyện Trần Đề dự kiến bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã về ấp công tác